TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 27-6-2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đình Khôi
2. Bà Trần Thị Yến Nhi

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai N, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Phạm Trình X, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại "Đơn khởi kiện"ghi ngày 14/2/2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Từ giữa tháng 7/2022 qua sự giới thiệu của ông Phạm Trình X (Ông X là Trưởng ấp Th, xã Tr, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai), ông có bán chổi nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Thanh P với số lượng là 1360 cây chổi, tổng trị giá là 22.080.000 đồng, sau đó bà P đã thanh toán cho ông được số tiền 13.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 9.080.000 đồng. Ông đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà P vẫn không thanh toán cho ông số tiền mua bán chổi còn nợ.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải thanh toán cho ông số tiền mua bán chổi còn nợ là 9.080.000 đồng, ông không yêu cầu tiền lãi.

Đây là tài sản riêng của ông không liên quan đến vợ ông là bà Lê Thị Vải; đối với ông Phạm Trình X là người giới thiệu bà P mua chổi của ông, ông X và bà P không phải là vợ chồng nên ông cũng không yêu cầu ông X có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông số tiền mua bán chổi còn nợ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn trình bày ý kiến như sau:

Từ khoảng giữa năm 2022 bà có mua của ông N một số chổi, đến nay còn thiếu lại ông N số tiền mua bán chổi là 9.080.000 đồng, vì không thể trả hết được một lần, nên bà xin được trả dần đến bao giờ hết thì thôi.

Trong quá trình tiến hành tố tụng Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

Ông là trưởng ấp Th, xã Tr, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai nên ông có quen biết ông Mai N và bà Nguyễn Thị Thanh P, giữa ông và ông N, bà P không có mâu thuẫn gì với nhau. Ông N và bà P đều làm xưởng chổi, vào khoảng tháng 8/2022 bà P có thiếu chổi để xuất bán cho người khác, nên có nhờ ông hỏi anh N để bán lại cho bà P 100 cây chổi. Sau đó ông có đến nhà ông N, nói ông N để lại cho bà P 100 cây chổi, thì ông N cũng đồng ý, còn về việc giữa bà P và ông N thỏa thuận với nhau về việc giao chổi và thanh toán tiền với nhau như thế nào thì ông không được biết. Sau đợt mua bán với nhau 100 cây chổi các bên thanh toán tiền đầy đủ với nhau thì giữa ông N, bà P tiếp tục mua bán chổi với nhau như thế nào thì ông không được biết, các bên thỏa thuận mua bán với nhau bao nhiêu cây chổi, giá tiền bao nhiêu thì ông N, bà P không thông báo cho ông nên ông không được biết.

Nay ông Mai N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh P phải hoàn trả cho ông N số tiền mua bán chổi còn nợ là 9.080.000 đồng, ông khẳng định đây là việc mua bán giữa bà P và ông N ông không có liên quan nên ông không có trách nhiệm liên đới trả cho ông N số tiền này.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai N buộc bà P phải trả cho ông N số tiền mua bán chổi còn nợ là 9.080.000 đồng.

- Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 14/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của ông N đối với bà P có địa chỉ cư trú: Xã Tr, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

Ông N khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền mua bán chổi còn nợ là 9.080.000 đồng. Căn cứ theo khoản 3, Điều 26, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự,

xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và xác định ông N là nguyên đơn, bà P là bị đơn, ông X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng v ắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[5]. Về nội dung vụ án:

[5.1]. Nguyên đơn yêu cầu bà P phải trả cho nguyên đơn số tiền mua bán chổi còn nợ là 9.080.000 đồng.

[5.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tiến hành tố tụng ngày 21/4/2023 bà P cũng có ý kiến thừa nhận trong năm 2022 có mua chổi của ông P và hiện nay còn nợ ông N số tiền mua bán chổi là 9.080.000 đồng và đồng ý trả cho ông N số tiền mua bán chổi là 9.080.000 đồng.

[5.3] Như vậy, giữa ông N và bà P có sự xác lập giao dịch mua bán chổi với nhau là hoàn toàn có thật, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng mua bán tài sản trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Khi đến hạn thanh toán số tiền mua bán bà P không trả tiền cho ông N, mặc dù ông N đã yêu cầu nhiều lần, là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết. Xét yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc bà P phải trả cho ông N số tiền mua bán chổi còn nợ là 9.080.000 đồng.

[6] Đối với bà Lê Thị Vải là vợ của ông N xác nhận đây là tài sản riêng của ông N, vì vậy Hội đồng xét xử chỉ buộc bà P phải trả số tiền mua bán chổi còn thiếu cho ông N.

Đối với ông Phạm Trình X không có mua bán chổi với ông N, ông X cũng không phải là chồng của bà P, ngoài ra ông N cũng không yêu cầu ông X có trách nhiệm liên đới cùng bà P để trả cho ông N số tiền bà P mua bán chổi còn nợ, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm liên đới trả tiền của ông X trong số tiền mà mua bán chổi mà bà P còn nợ ông N.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; - Các

- Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" của ông Mai N đối với bà Nguyễn Thị Thanh P.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh P phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Mai N số tiền là 9.080.000 đồng (Chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 454.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Mai N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003157 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại